Số: 04/2023/QĐ-UBND
Thời gian ký: 24/01/2025 17:07:32 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Bình Phước

(Kèm theo Quyết định số: 04 /2025/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về công nhận sáng kiến; Hội đồng sáng kiến; trách nhiệm quản lý nhà nước và kinh phí hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Các nội dung khác không quy định trong Quy định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ sáng kiến (Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ) và Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ sáng kiến được ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ (Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Nguyên tắc công nhận sáng kiến

1. Việc xét công nhận sáng kiến được thực hiện thường xuyên, khi có đơn yêu cầu công nhận sáng kiến của tác giả hoặc đồng tác giả sáng kiến *(sau đây gọi chung là tác giả sáng kiến)* và do người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến *(sau đây gọi chung là người đứng đầu cơ sở)* quyết định.

2. Người đứng đầu cơ sở thành lập Hội đồng sáng kiến (trong trường hợp cần thiết) để đánh giá giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến, làm căn cứ quyết định việc công nhận sáng kiến. Tác giả sáng kiến không được là thành viên của Hội đồng sáng kiến đó.

3. Sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật và người đứng đầu cơ sở chính là tác giả sáng kiến thì sáng kiến đó phải được đánh giá thông qua Hội đồng sáng kiến.

4. Việc xét công nhận sáng kiến phải bảo đảm tính chặt chẽ, khách quan, dân chủ, công bằng và đúng thực chất; bảo đảm thuận lợi và tạo điều kiện tối đa cho tác giả sáng kiến.

Chương II
CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 3. Yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Việc thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến là do tác giả sáng kiến tự nguyện thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 5 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ.

2. Xác định thời điểm tác giả sáng kiến thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến là một trong những tài liệu sau đây:

a) Sổ tiếp nhận Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến do cơ sở có thẩm quyền tiếp nhận đơn lập và lưu trữ, trong đó có ghi rõ những thông tin cơ bản sau: tên sáng kiến, thông tin tác giả (đồng tác giả); thời điểm tiếp nhận đơn, các tài liệu kèm theo đơn (nếu có); phần ký tên xác nhận của tác giả và người tiếp nhận đơn.

b) Giấy biên nhận Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến do cơ sở có thẩm quyền tiếp nhận đơn trao cho người nộp đơn và có thể làm theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 4. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến gồm các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ và khoản 1 Điều 5 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 5. Mô tả bản chất sáng kiến

1. Mô tả tình trạng trước khi đưa ra sáng kiến và chỉ ra nhược điểm, hạn chế của các giải pháp đã biết, sau đó nêu ra các giải pháp để khắc phục nhược điểm, hạn chế của các giải pháp đã biết để làm rõ tính mới của giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến.

2. Trình bày bản chất của sáng kiến, được mở đầu bằng đoạn trình bày mục đích mà sáng kiến cần đạt được hoặc nhiệm vụ, vấn đề mà sáng kiến cần giải quyết, đảm bảo tính khách quan, cụ thể, không mang tính chất quảng cáo và phải nhằm khắc phục được nhược điểm, hạn chế của giải pháp có bản chất gần nhất đã được chỉ ra tại khoản 3 Điều này.

3. Mô tả đầy đủ và rõ ràng các bước thực hiện sáng kiến sao cho tổ chức, cá nhân khác căn cứ vào đó để áp dụng và thực hiện được sáng kiến.

4. Nếu phần mô tả có hình vẽ (bản vẽ, thiết kế, sơ đồ, ảnh, video…) minh hoạ để làm rõ bản chất của sáng kiến thì phải có danh mục và nội dung giải thích.

Điều 6. Thẩm quyền, xét và công nhận sáng kiến

1. Việc xét, công nhận sáng kiến do người đứng đầu cơ sở xét sáng kiến quyết định.

2. Người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ. Trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 2 Quy định này hoặc trong trường hợp xét thấy cần thiết, người đứng đầu cơ sở thành lập Hội đồng sáng kiến để đánh giá giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến làm căn cứ quyết định việc công nhận sáng kiến.

Điều 7. Hội đồng sáng kiến

1. Người đứng đầu cơ sở quyết định thành lập Hội đồng Sáng kiến theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ và Điều 8 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng sáng kiến

a) Tổ chức đánh giá một cách khách quan, trung thực giải pháp được nêu trong Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ và khoản 1 Điều 8 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

b) Lập biên bản, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên và kết quả bỏ phiếu sau khi kết thúc mỗi phiên họp của Hội đồng, báo cáo kết quả đánh giá để tham mưu cho người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến xem xét quyết định;

c) Bảo mật thông tin về các giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến theo yêu cầu của tác giả hoặc người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến.

Điều 8. Công nhận sáng kiến và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến

Căn cứ kết quả xét sáng kiến hoặc kết quả đánh giá sáng kiến của hội đồng sáng kiến (trường hợp thành lập hội đồng sáng kiến), nếu không có ý kiến phản đối của các tổ chức, cá nhân về kết quả đó thì người đứng đầu cơ sở ban hành quyết định công nhận sáng kiến và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến theo mẫu quy định tại phụ lục III Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm quản lý nhà nước về sáng kiến

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai các biện pháp nhằm thúc đẩy hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Liên đoàn Lao động tỉnh, Tỉnh Đoàn và các cơ quan, đơn vị liên quan tư vấn, hướng dẫn các tác giả có sáng kiến đã được cấp có thẩm quyền công nhận được tham gia các cuộc thi, hội thi về sáng tạo khoa học và công nghệ để có hình thức vinh danh, khen thưởng kịp thời.

4. Sở Tài chính, cơ quan tài chính các huyện, thị xã, thành phố căn cứ nguồn thu của ngân sách tỉnh hằng năm tham mưu cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí hoạt động sáng kiến cho các đơn vị tiết kiệm và hiệu quả, thực hiện theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

5. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và thủ trưởng các cơ sở xét công nhận sáng kiến trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm:

a) Tổ chức, chỉ đạo, phổ biến, tuyên truyền, triển khai công tác sáng kiến tại cơ sở theo thẩm quyền.

b) Có nhiệm vụ quản lý hoạt động sáng kiến, tổ chức thực hiện đăng ký, áp dụng và công nhận sáng kiến theo quy định.

c) Tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi đơn vị quản lý phát huy tính tự chủ, sáng tạo, có nhiều sáng kiến được công nhận và áp dụng đem lại hiệu quả cao.

d) Định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hằng năm, báo cáo kết quả công nhận, phổ biến sáng kiến tại đơn vị cho Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) theo mẫu quy định tại Phụ lục IV Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 10. Kinh phí cho hoạt động sáng kiến

1. Nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán hằng năm thực hiện hoạt động sáng kiến, theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

2. Nguồn kinh phí các doanh nghiệp và nguồn hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 11. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, giải quyết, đảm bảo đúng quy định./.